

Bản án số: 42/2022/HSST
Ngày: 28-12-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H
2. Ông Nguyễn Chí Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Ngọc Tùng – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Mỏ Cày Nam công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/HSST, ngày 02/12/2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng T (Tên thường gọi: T1), sinh năm 1985 tại Bến Tre; Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã Đ, Huyện M, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 và ông Lê Đức H, sinh năm 1959; Vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (đã ly hôn); Tiền sự: không; Tiền án: 01 (Ngày 27/7/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân Huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 18/2019/HSST)

Bị cáo đang bị tạm giam theo Quyết định tạm giam số 25/2022/HSST-QĐTG ngày 02/12/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân Huyện Mỏ Cày Nam. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/9/2022 và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

2. Bà Hồ Thị Ngọc N, sinh năm 1973; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn Hoàng G, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường Q, thành phố N, tỉnh Quảng Ngãi; Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, H huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Duy P, sinh năm 1980; Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn Mỏ Cày, Hện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

5. Anh Đoàn Duy P1, sinh năm 1986; Nơi cư trú: khu phố 4, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

6. Ông Lý Thái C, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt)

NỘI DỊ VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Hoàng T bị Viện Kiểm sát nhân dân Hện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 29/11/2019 Nguyễn Hoàng T bị Tòa án nhân dân Hện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 19/01/2021 bị cáo T chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo T chưa được xóa án tích nhưng khoảng 06 giờ ngày 11/4/2022 bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 54U1-0328 của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị D1 từ nhà đến khu vực ấp An Nhơn 1, xã Đa Phước Hội thì quan sát phát hiện trước sân bà Dương Thị H có để một lồng xe tự chế của bà Hồ Thị Ngọc N, không người trông coi và cổng rào không khóa nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm rồi dùng xe mô tô trên kéo đi đến dựa thu mua phế liệu của anh Nguyễn Thanh H bán với giá 590.000 đồng. Sau đó, anh H bán lại cho anh Nguyễn Văn Hoàng G với giá là 750.000 đồng. Sau khi nhận được tin báo của bà Dương Thị H, Công an xã Đa Phước Hội tiến hành xác minh và mời bị cáo T về làm việc. Tại đây, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,4m, chiều dài thùng xe 1,6m, chiều rộng thùng xe 0,64m, chiều cao thùng xe 0,58m. Khung thùng xe được hàn bằng những thanh sắt, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay (do anh Nguyễn Văn Hoàng G giao nộp).

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 54U1-0328 cùng giấy đăng ký xe (do bị cáo Nguyễn Hoàng T giao nộp)

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐDGTS ngày 23/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản Hện Mỏ Cày Nam xác định: 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,4m, chiều dài thùng xe 1,6m, chiều rộng thùng xe 0,64m, chiều cao

thùng xe 0,58m. Khung thùng xe được hàn bằng những thanh sắt, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng, có giá 1.200.000 đồng.

Sau khi bị khởi tố điều tra chờ xử lý đối với hành vi trên thì vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26/8/2022, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B2-409.69 thuê của ông Lý Thái C trên Quốc lộ 57 hướng từ ấp An Vĩnh 1, xã Đa Phước Hội kế bên quán Âm thực Hoa Hồng có 01 xe lồng tự chế của ông Nguyễn Văn D không người trông coi nên bị cáo T nảy sinh ý định lấy trộm và dùng xe mô tô kéo chiếc xe lồng đến vừa thu mua phế liệu của anh Nguyễn Duy P (tên thường gọi là Chò) để bán cho anh Đoàn Duy P1 là người làm thuê của anh P với giá 300.000 đồng. Nhận được tin báo của ông Nguyễn Văn D, công an xã Đa Phước Hội đã mời bị cáo T làm việc. Tại đây, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,6m, chiều dài thùng xe 2m, chiều rộng thùng xe 0,65m, chiều cao thùng xe 0,76m. Khung thùng xe được hàn bằng thép mạ kẽm phi 34. Thùng xe được làm từ thép ống mạ kẽm phi 27, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay (do anh Đoàn Duy P1 giao nộp).

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản Hện Mỏ Cày Nam xác định: 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,6m, chiều dài thùng xe 2m, chiều rộng thùng xe 0,65m, chiều cao thùng xe 0,76m. Khung thùng xe được hàn bằng thép mạ kẽm phi 34. Thùng xe được làm từ thép ống mạ kẽm phi 27, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng, có giá 1.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSMCN ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Hện Mỏ Cày Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 30/9/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Văn Hoàng G, anh Nguyễn Duy P và anh Đoàn Duy P1 do không biết đây là tài sản mà bị cáo T phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị D1 và ông Lý Thái C do không biết bị cáo T sử dụng xe của ông bà để làm P1 tiện phạm tội nên không cấu thành tội phạm.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Tòa án:

Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 01 xe mô tô biển kiểm soát 54U1-0328 cùng giấy đăng ký xe.

Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho ông Nguyễn Văn D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,6m, chiều dài thùng xe 2m, chiều rộng thùng xe 0,65m, chiều cao thùng xe 0,76m. Khung thùng xe được hàn bằng thép mạ kẽm phi 34. Thùng xe được làm từ thép ống mạ kẽm phi 27, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng.

Ghi nhận Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho bà Hồ Thị Ngọc N 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,4m, chiều dài thùng xe 1,6m, chiều rộng thùng xe 0,64m, chiều cao thùng xe 0,58m. Khung thùng xe được hàn bằng những thanh sắt, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận:

Bà Hồ Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn D đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hoàng T đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 590.000 đồng, anh H không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh H đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Hoàng G số tiền 750.000 đồng, anh G không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Ghi nhận anh Đoàn Duy P1 không yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 300.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T khai nhận có thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như nội D1 Cáo trạng đã truy tố, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị Ngọc N vắng mặt tại Tòa nhưng có lời khai trong quá trình điều tra như sau: Thời gian và tài sản ông bà bị mất trộm trùng khớp với lời trình bày của bị cáo T và không có yêu cầu gì đối với bị cáo T.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D1 vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]**Về tố tụng:** Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Hện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Hện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo,

bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội D1 vụ án:

Mặc dù, đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng với bản tính tham lam nên vào ngày 11/4/2022 bị cáo T đã có hành vi lén lút lấy trộm của bà Hồ Thị Ngọc N 01 xe lồng tự chế có giá trị là 1.200.000 đồng. Sau khi bị khởi tố điều tra, bị cáo T tiếp tục có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn D 01 xe lồng tự chế có giá trị là 1.200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.400.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) quy định như sau: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến ba năm:*

a.

b. *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169,170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

b.”

[3] Về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất tình hình trật tự xã hội tại địa P1. Khi thực hiện hành vi phạm tội mặc dù bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ sức khỏe lao động tạo thu nhập trong cuộc sống nhưng bị cáo tham lam, ham muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động nên là nguyên nhân dẫn bị cáo đến con đường phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ của tội phạm đã thực hiện, có xét đến tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo nhưng đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo T có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã bồi thường thiệt hại, nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật thà khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn, ông bà ngoại bị cáo là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình thức xử phạt tù có thời hạn nhằm cách ly hoạt động bình thường của bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục, tHết phục, giúp bị cáo có điều kiện học tập cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này, biết tôn trọng pháp luật, tài sản của người khác và các quy tắc chuẩn mực của đời sống xã hội, đồng thời cũng tạo tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Thanh H, anh Nguyễn Văn Hoàng G và anh Đoàn Duy P1 do không biết đây là tài sản mà bị cáo T phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị D1 và ông Lý Thái C do không biết bị cáo T sử dụng xe của ông bà để làm P1 tiện phạm tội nên không cấu thành tội phạm.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 01 xe mô tô biển kiểm soát 54U1-0328 cùng giấy đăng ký xe.

Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho ông Nguyễn Văn D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,6m, chiều dài thùng xe 2m, chiều rộng thùng xe 0,65m, chiều cao thùng xe 0,76m. Khung thùng xe được hàn bằng thép mạ kẽm phi 34. Thùng xe được làm từ thép ống mạ kẽm phi 27, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng.

Ghi nhận Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho bà Hồ Thị Ngọc N 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,4m, chiều dài thùng xe 1,6m, chiều rộng thùng xe 0,64m, chiều cao thùng xe 0,58m. Khung thùng xe được hàn bằng những thanh sắt, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bà Hồ Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn D đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hoàng T đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 590.000 đồng, anh H không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh H đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Hoàng G số tiền 750.000 đồng, anh G không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Ghi nhận anh Đoàn Duy P1 không yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 300.000 đồng.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 30/9/2022.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho bà Nguyễn Thị D1 01 xe mô tô biển kiểm soát 54U1-0328 cùng giấy đăng ký xe.

Ghi nhận việc Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho ông Nguyễn Văn D 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,6m, chiều dài thùng xe 2m, chiều rộng thùng xe 0,65m, chiều cao thùng xe 0,76m. Khung thùng xe được hàn bằng thép mạ kẽm phi 34. Thùng xe được làm từ thép ống mạ kẽm phi 27, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng.

Ghi nhận Cơ quan CSĐT Công an Hện Mỏ Cày Nam trả lại cho bà Hồ Thị Ngọc N 01 xe lồng, loại xe kéo tự chế, có chiều dài 2,4m, chiều dài thùng xe 1,6m, chiều rộng thùng xe 0,64m, chiều cao thùng xe 0,58m. Khung thùng xe được hàn bằng những thanh sắt, phía dưới lắp 02 bánh xe có trục quay đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bà Hồ Thị Ngọc N và ông Nguyễn Văn D đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hoàng T đã trả lại cho anh Nguyễn Thanh H số tiền 590.000 đồng, anh H không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Ghi nhận anh Nguyễn Thanh H đã trả lại cho anh Nguyễn Văn Hoàng G số tiền 750.000 đồng, anh G không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Ghi nhận anh Đoàn Duy P1 không yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền 300.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND Hện Mỏ Cây Nam (2b);
- CA Hện Mỏ Cây Nam (3b);
- Chi cục THADS Hện Mỏ Cây Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (9b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm